|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  ¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯  Số: 141 /TB-ĐHV | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯  *Nghệ An, ngày 23 tháng 5 năm 2016* |

#### THÔNG BÁO

**Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2, năm 2016**

¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ công văn số 5819/BGDĐT-GDĐH ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Vinh tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ công văn số 8623/BGDĐT-GDĐH ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Vinh tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường ĐH Kinh tế - Công nghiệp Long An;

Căn cứ công văn số 1397-CV/BCĐTN ngày 06 tháng 8 năm 2015 của Ban chỉ đạo Tây Nguyên về việc liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ công văn số 4782-CV/BCĐTNB ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ về việc liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long,

Trường Đại học Vinh thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2016 như sau:

**I. CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH**

**1. Đào tạo tại Trường Đại học Vinh gồm 30 chuyên ngành**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Toán giải tích  *(mã số: 60.46.01.02)* | 10. Lý luận văn học  *(mã số: 60.22.01.20)* |
| 2. Đại số và Lý thuyết số  *(mã số: 60.46.01.04)* | 11. Văn học Việt Nam  *(mã số: 60.22.01.21)* |
| 3. LTXS và Thống kê Toán học  *(mã số: 60.46. 01.06)* | 12. LL&PPDH BM Ngữ Văn  *(mã số: 60.14.01.11)* |
| 4. Quang học  *(mã số: 60.44.01.09)* | 13. Lịch sử Việt Nam  *(mã số: 60.22.03.13)* |
| 5. Hoá hữu cơ  *(mã số: 60.44.01.14)* | 14. Lịch sử Thế giới  *(mã số: 60.22.03.11)* |
| 6. Hóa vô cơ  *(mã số 60.44.01.13)* | 15. LL&PPDH BM Lịch sử  *(mã số: 60.14.01.11)* |
| 7. Hóa phân tích  *(mã số: 60.44.01.18)* | 16. Quản lý giáo dục  *(mã số: 60.14.01.14)* |
| 8. Thực vật học  *(mã số: 60.42.01.11)* | 17. Giáo dục học (bậc Tiểu học)  *(mã số: 60.14.01.01)* |
| 9. Động vật học  *(mã số: 60.42.01.03)* | 18. Giáo dục học (bậc Mầm non)  *(mã số: 60.14.01.01)* |
| 19. Sinh học thực nghiệm  *(mã số: 60.42.01.14)* | 25. LL&PPDH BM Giáo dục chính trị  *(mã số: 60.14.01.11)* |
| 20. LL&PPDH BM Sinh học  *(mã số: 60.14.01.11)* | 26. Chính trị học  *(mã số: 60.31.02.01)* |
| 21. Ngôn ngữ học  *(mã số: 60.22.02.40 )* | 27. Kinh tế chính trị  *(mã số: 60.31.01.02)* |
| 22. Nuôi trồng thuỷ sản  *(mã số: 60.62.03.01)* | 28. LL&PPDH BM Tiếng Anh  *(mã số: 60.14.01.11)* |
| 23. Khoa học cây trồng  *(mã số: 60.62.01.10)* | 29. Công nghệ thông tin  *(mã số: 60.48.02.01)* |
| 24. Giáo dục Thể chất  *(mã số: 60. 14. 01. 03)* | 30. Địa lý học  *(mã số: 60.31.05.01)* |

**2. Đào tạo tại Trường Đại học Đồng Tháp gồm 7 chuyên ngành**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Chính trị học  *(mã số: 60 31 02 01)* | 5. Luật (chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật)  *(mã số: 60. 38. 01. 01)* |
| 3. LL&PPDH BM Tiếng Anh  *(mã số: 60.14.01.11)* | 6. Lịch sử Việt Nam  *(mã số: 60.22.03.13)* |
| 3. Công nghệ thông tin  *(mã số: 60.48.02.01)* | 7. LL&PPDH BM Sinh học  *(mã số: 60.14.01.11)* |
| 4. Giáo dục Thể chất  *(mã số: 60. 14. 01. 03)* |  |

**3. Đào tạo tại Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An gồm 11 chuyên ngành**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Đại số và Lý thuyết số  *(mã số: 60 46 01 04)* | 7. LL&PPDH BM Tiếng Anh  *(mã số: 60.14.01.11)* |
| 2. Toán giải tích  *(mã số: 60.46.01.02)* | 8. Công nghệ thông tin  *(mã số: 60.48.02.01)* |
| 3. LTXS và Thống kê Toán học  *(mã số: 60.46. 01.06)* | 9. Ngôn ngữ học  *(mã số: 60 22 02 40 )* |
| 4. Quang học  *(mã số: 60 44 01 09)* | 10. Nuôi trồng thuỷ sản  *(mã số: 60.62.03.01)* |
| 5. Chính trị học  *(mã số: 60 31 02 01)* | 11. Khoa học cây trồng  *(mã số: 60.62.01.10)* |
| 6. Quản lý giáo dục  *(mã số: 60 14 01 14)* |  |

**4. Đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long gồm 11 chuyên ngành**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Toán giải tích  *(mã số: 60.46.01.02)* | 7. LL&PPDH BM Tiếng Anh  *(mã số: 60.14.01.11)* |
| 2. Quang học  *(mã số: 60.44.01.09)* | 8. Công nghệ thông tin  *(mã số: 60.48.02.01)* |
| 3. Lý luận và PPDH bộ môn Sinh học  *(mã số: 60 14 01 11)* | 9. Giáo dục học (bậc Mầm non)  *(mã số: 60.14.01.01)* |
| 4. Lý luận và PPDHBM bộ môn Văn  *(mã số: 60 14 01 11)* | 10. Giáo dục Thể chất  *(mã số: 60. 14. 01. 03)* |
| 5. Lý luận và PPDHBM Lịch sử  *(mã số: 60 14 01 11)* | 11. Quản lý giáo dục  *(mã số: 60 14 01 14)* |
| 6. Chính trị học  *(mã số: 60 31 02 01)* |  |

**5. Đào tạo tại Trường Đại học Tây Nguyên gồm 03 chuyên ngành**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Quản lý giáo dục  *(mã số: 60 14 01 14)* | 3. Chính trị học  *(mã số: 60 31 02 01)* |
| 2. Kinh tế chính trị  *(mã số: 60.31.01.02)* |  |

Ghi chú:

- Tại Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học Kinh tế - Công nghiệp Long An, Trường Đại học Tây Nguyên và Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long, đối với các chuyên ngành chưa tuyển sinh đợt 1 phải có số lượng thí sinh đăng ký dự thi từ 15 người trở lên thì mới đủ điều kiện để tuyển sinh đợt 2. Trường hợp chuyên ngành có số lượng thí sinh đăng ký dự thi dưới 15 thì thí sinh tự nguyện chuyển sang chuyên ngành cùng môn thi tuyển sinh để đảm bảo số lượng 15 thí sinh trở lên.

- Tại Trường Đại học Vinh đối với các chuyên ngành chưa tuyển sinh đợt 1 phải có số lượng thí sinh đăng ký dự thi từ 10 người trở lên thì mới đủ điều kiện để tuyển sinh đợt 2. Trường hợp chuyên ngành có số lượng thí sinh đăng ký dự thi dưới 10 người thì cho phép thí sinh tự nguyện chuyển sang các chuyên ngành khác cùng môn thi tuyển sinh để đảm bảo số lượng theo quy định.

II. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ là 2 năm.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ THI

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Namđáp ứng được điều kiện sau:

**1.Về văn bằng**

Người dự thi cần thỏa mãn một trong các điều kiện sau (trừ chuyên ngành Quản lý giáo dục, Chính trị học, Kinh tế chính trị, LL&PP dạy học bộ môn Tiếng Anh và các chuyên ngành LL&PPDH BM(cụ thể) sẽ được nêu ở mục 5 dưới đây):

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi.

b) Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ đã học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Vinh.

**2. Về kinh nghiệm và công tác chuyên môn (trừ chuyên ngành Quản lý giáo dục, Chính trị học, Kinh tế chính trị, LL&PPDH BM (cụ thể) sẽ nêu ở mục 5 dưới đây):**

Thí sinh tốt nghiệp đại học loại khá trở lên được đăng ký dự thi ngay sau khi tốt nghiệp; thí sinh tốt nghiệp loại trung bình được đăng ký dự thi phải sau 1 năm sau khi tốt nghiệp đại học.

**3. Có đủ sức khỏe để học tập.**

**4. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Vinh.**

**5. Điều kiện về văn bằng, kinh nghiệm công tác chuyên môn và đối tượng dự thi đối với chuyên ngành QLGD, Chính trị học, Kinh tế chính trị, LL&PPDH BM (cụ thể):**

a) Chuyên ngành Quản lý giáo dục

- Về văn bằng: Người dự thi phải có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng (Quản lý giáo dục), ngành phù hợp (Giáo dục học), hoặc ngành gần (Sư phạm), và ngành khác. Đối với người có bằng tốt nghiệp ngành gần và ngành khác, phải có Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức do Trường Đại học Vinh quy định.

- Về thâm niên công tác. Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên đúng ngành hoặc ngành phù hợp được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp; đối với người có bằng đại học ngành gần và ngành khác, phải có ít nhất 01 năm công tác.

- Về đối tượng dự thi: Người dự thi có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên ngành đúng hoặc ngành phù hợp được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. Thí sinh thuộc ngành gần và ngành khác đang làm việc hoặc quy hoạch tại một trong các vị trí công tác sau đây: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn (có Quyết định bổ nhiệm, quyết định Quy hoạch) các trường từ mầm non trở lên; Trưởng khoa, phó Trưởng khoa các trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; cán bộ quản lý công tác Đoàn, Đảng, Công đoàn trong các cơ sở giáo dục đào tạo; cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của các tổ chức chính trị - xã hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Uỷ ban nhân dân các tỉnh quận/huyện, Sở/Phòng Giáo dục và Đào tạo; cán bộ lãnh đạo, chuyên viên các Phòng/Ban chức năng của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề;.

b) Chuyên ngành Chính trị học

- Về văn bằng: Người dự thi phải có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần (tốt nghiệp đại học ngành khác có bằng Trung cấp LLCT).

Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần phải có Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức 3 môn do Trường ĐH Vinh cấp.

- Về thâm niên công tác:

Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp được xếp hạng tốt nghiệp từ loại khá trở lên thì được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học; trường hợp đạt loại trung bình phải sau 1 năm sau khi tốt nghiệp đại học.

Đối với người có bằng đại học ngành gần phải có ít nhất 01 năm công tác (trong biên chế hoặc hợp đồng không xác định thời hạn tính từ ngày ký Hợp đồng lao động đến ngày dự thi).

-Về đối tượng dự thi: Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp; lãnh đạo, chuyên viên của các cơ quan của Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội, Giáo dục và Đào tạo.

c) Chuyên ngành Kinh tế chính trị

- Về văn bằng: Người dự thi phải đáp ứng 1 trong 2 điều kiện sau:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng (Kinh tế chính trị) và ngành phù hợp.

+ Có bằng tốt nghiệp Đại học ngành gần (Tốt nghiệp đại học khối ngành Kinh tế; Kinh doanh và quản lý; người có bằng tốt nghiệp Đại học ngành khác và có bằng cao cấp lý luận chính trị) phải có Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức 4 môn do Trường Đại học Vinh quy định.

+ Có bằng tốt nghiệp Đại học ngành khác phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức 8 môn do Trường Đại học Vinh quy định.

- Về thâm niên công tác:

+ Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

+ Những trường hợp còn lại được đăng ký dự thi sau một năm tốt nghiệp đại học.

d) Chuyên ngành LL&PP dạy học bộ môn Tiếng Anh

- Về văn bằng: Thí sinh cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Tiếng Anh.

+ Các đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ ngành đúng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải nộp kèm theo văn bản công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục, Bộ GD&ĐT.

- Về thâm niên nghề nghiệp:

+ Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng xếp loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

+ Đối với các trường hợp còn lại được đăng ký dự thi sau một năm tốt nghiệp đại học.

đ) Chuyên ngành LL&PPDH bộ môn

- Về văn bằng:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học đúng ngành (Sư phạm).

+Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần (có bằng tốt nghiệp đại học các ngành cử nhân có Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm do các cơ sở giáo dục đại học cấp theo quy định của Bộ GD &ĐT).

- Về thâm niên công tác:

+ Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

+ Những trường hợp còn lại phải có ít nhất 01 năm kể từ khi tốt nghiệp đại học.

**6. Đối với công dân nước ngoài**

Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại cơ sở đào tạo sau đại học Trường Đại học Vinh, nhà trường sẽ căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển.

**IV. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN**

**1. Đối tượng ưu tiên**

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Th­ương binh, ng­ười hư­ởng chính sách như­ th­ương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng Lực lư­ợng vũ trang, Anh hùng Lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Mức ưu tiên

a) Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản.

b) Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

**V. CÁC MÔN DỰ THI**

Thí sinh phải dự thi 03 môn (thi viết):

**1. Môn ngoại ngữ:** Tiếng Anh (trình độ B thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan); Môn ngoại ngữ đối với thí sinh dự thi chuyên ngành LL&PP dạy học bộ môn Tiếng Anh: Tiếng Pháp (trình độ B). Thời gian thi: 90 phút

Thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ được quy định tại Thông tư 15/2014 trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

**2. Môn Cơ bản:**Cụ thể tại mục X. Thời gian thi 180 phút

**3. Môn Cơ sở:** Cụ thể tại mục X. Thời gian thi 180 phút

(danh mục môn cơ bản và môn cơ sở ở mục X)

**VI. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI**

Hồ sơ tuyển sinh do Trường Đại học Vinh phát hành, bao gồm:

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu của Trường Đại học Vinh), trong đó cần ghi rõ chuyên ngành, đối tượng dự thi, nghề nghiệp và nơi làm việc, cam kết thực hiện Quy chế sau khi trúng tuyển.

2. Bản sao có công chứng các văn bằng và chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp đại học, bảng điểm đại học (nếu văn bằng không ghi loại tốt nghiệp).

- Công nhận hoàn thành việc bổ sung kiến thức (BSKT) do Trường Đại học Vinh quy định có giá trị trong vòng 3 năm tính đến ngày nộp hồ sơ (nếu thuộc diện phải bổ sung kiến thức).

3. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú.

4. Giấy chứng nhận đủ sức khoẻ học tập do bệnh viện đa khoa tuyến huyện, thành phố trở lên cấp không quá sáu tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

5. Các giấy tờ pháp lý về đối tượng ưu tiên (nếu có), được xác nhận của cấp có thẩm quyền (các giấy tờ ưu tiên phải trình bản gốc khi nạp hồ sơ dự thi và nạp lại bản phôtôcopy có công chứng).

6. Ba phong bì có dán tem và ghi địa chỉ người nhận.

7. Bốn ảnh màu mới chụp (cỡ 3x4) ghi rõ họ tên, chuyên ngành đăng ký dự thi phía sau ảnh.

Tất cả các giấy tờ trên được đựng trong túi hồ sơ có đề rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ ở phía ngoài.

**VII. HỌC PHÍ VÀ KINH PHÍ ĐÀO TẠO**

Sau khi trúng tuyển, học viên thực hiện nghĩa vụ đóng học phí và kinh phí đào tạo theo Nghị định của Chính phủ và quy định của Trường Đại học Vinh

**VIII. HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC, ÔN TẬP**

**1. Bổ sung kiến thức**

- Thí sinh phải hoàn thiện chương trình bổ sung kiến thức trước khi dự thi theo quy định tại mục III.

- Thời gian đăng ký học bổ sung kiến thức: thí sinh đăng ký từ ngày phát hành hồ sơ đến 17h ngày 05/8/2016 đối với thí sinh thuộc diện bổ sung kiến thức 8 môn; đến 17h ngày 12/08/2016 đối với thí sinh thuộc diện bổ sung kiến thức 4 môn. Lịch học cụ thể từng môn được thông báo tại Phòng Đào tạo Sau Đại học hoặc trên Website:<http://www.vinhuni.edu.vn/Các> phòng ban/Phòng Sau Đại học.

a) Đối với thí sinh đăng ký dự thi tại Trường Đại học Vinh

- Địa điểm đăng ký: Phòng Đào tạo Sau đại học,Tầng 4 Nhà điều hành, Trường Đại học Vinh, số 182, đường Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Địa điểm học: Sẽ thông báo cụ thể trên subsite của phòng Đào tạo Sau đại học và Trung tâm Đào tạo liên tục.

b) Đối với thí sinh đăng ký dự thi tại tại Trường Đại học Đồng Tháp

- Địa điểm đăng ký: Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Đồng Tháp, số 783, đường Phạm Hữu Lầu, phường 6, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- ĐT: 067.3881622; DĐ: 0914.555.609 (cô Hạnh), 0913.975.768 (thầy Gọn).

- Địa điểm học: Xem thông báo tại phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Đồng Tháp.

c) Đối với thí sinh đăng ký dự thi tại Trường Đại học Kinh tế - Công nghiệp Long An

- Địa điểm đăng ký: Khoa Liên kết đào tạo, Trường Đại học Kinh tế - Công nghiệp Long An, Quốc lộ 1A, phường Khánh Hậu, TP Tân An, tỉnh Long An.

- ĐT: **072.3512.826** bấm phím **106; DĐ:** **0906.305.833** (thầy Thậm).

- Địa điểm học: Xem thông báo tại Khoa Liên kết đào tạo, Trường Đại học Kinh tế - Công nghiệp Long An.

d) Đối với thí sinh đăng ký dự thi tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long

- Địa điểm đăng ký: Trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng, Trường ĐHSPKT Vĩnh Long, số 73, đường Nguyễn Huệ, phường 2, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- ĐT: 070.3862.511; DĐ: 0969.413.879, 0979.504.982

- Địa điểm học: Xem thông báo tại Trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng, Trường ĐHSPKT Vĩnh Long.

đ) Đối với thí sinh đăng ký dự thi tại Trường Đại học Tây Nguyên

- Địa điểm đăng ký: Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Tây Nguyên, số 567, đường Lê Duẩn, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- ĐT: **0500.3850.599**

- Địa điểm học: Xem tại Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Tây Nguyên.

**2. Ôn tập**

a) Thời gian đăng ký ôn tập: từ ngày ra Thông báo đến hết ngày 20/8/2016.

b) Địa điểm đăng ký:

- Phòng Đào tạo Sau đại học,Tầng 4 Nhà điều hành, Trường Đại học Vinh, số 182, đường Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An;

- Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Đồng Tháp, số 783, đường Phạm Hữu Lầu, phường 6, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

- Khoa Liên kết đào tạo, Trường Đại học Kinh tế - Công nghiệp Long An, Quốc lộ 1A, phường Khánh Hậu, TP Tân An, tỉnh Long An;

- Trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng, Trường ĐHSPKT Vĩnh Long, số 73, đường Nguyễn Huệ, phường 2, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

- Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Tây Nguyên, số 567, đường Lê Duẩn, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

c) Lịch học cụ thể

- Xem thông báo trên Website Phòng Sau Đại học Trường Đại học Vinh.

- Các đơn vị liên kết đào tạo.

**Ghi chú:** Trường Đại học Vinh tổ chức ôn tập tại từng địa điểm đào tạo và chỉ mở lớp ôn tập đối với các môn thi có số thí sinh đăng ký ôn tập và nộp lệ phí ôn tập từ 10 người trở lên/môn ôn tập tại mỗi địa điểm.

**IX. THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ VÀ THI TUYỂN**

**1. Thời gian nhận hồ sơ**

Từ ngày ra Thông báo tuyển sinh đến hết ngày 25/8/2016 (Thí sinh thuộc diện bổ sung kiến thức 8 môn nhận hồ sơ đến 05/8/2016, thí sinh thuộc diện bổ sung kiến thức 4 môn nhận hồ sơ đến 12/8/2016). Không nhận hồ sơ qua đường bưu điện.

**2. Thời gian thi**: Dự kiến ngày 09, 10, 11 tháng 9 năm 2016.

**3. Địa điểm thi**

- Trường Đại học Vinh

- Trường Đại học Đồng Tháp

- Trường Đại học Kinh tế - Công Nghiệp Long An

- Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long

- Trường Đại học Tây Nguyên

**4. Địa chỉ liên hệ và nộp hồ sơ**

**a) Tại Trường Đại học Vinh**

Phòng Đào tạo Sau đại học, Tầng 4 Nhà điều hành, Trường Đại học Vinh, số 182, đường Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An;

**b) Tại các địa điểm liên kết**

**- Trường Đại học Đồng Tháp**

Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Đồng Tháp, số 783, đường Phạm Hữu Lầu, phường 6, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

- **Trường Đại học Kinh tế - Công nghiệp Long An**

Khoa Liên kết đào tạo, Trường Đại học Kinh tế - Công nghiệp Long An, Quốc lộ 1A, phường Khánh Hậu, TP Tân An, tỉnh Long An;

- **Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long**

Số 73, đường Nguyễn Huệ, phường 2, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

- **Trường Đại học Tây Nguyên**

Số 567, đường Lê Duẩn, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk;

**c) Ngoài các địa điểm liên kết trên, thí sinh có thể mua và nộp hồ sơ tại:**

**- Trường Đại học Đồng Nai**

Số 4, đường Lê Quý Đôn, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, **ĐT:** 061.382.4684.

**- Trường Đại học Giao thông Vận tải TP Hồ Chí Minh**

Số 2, đường D3, phường 25, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh, ĐT: 08.3898.0456; DĐ: 0989.765.143 (thầy Quỳnh);

**- Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Phước**

Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, ĐT: 0982.233.578 (thầy Tùng).

Trường Đại học Vinh chỉ nhận hồ sơ đã đầy đủ theo các mục theo quy định. Hồ sơ đã nộp Trường không trả lại.

**X. DANH MỤC CÁC CHUYÊN NGÀNH VÀ CÁC MÔN THI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chuyên ngành** | **Môn Cơ bản** | **Môn Cơ sở** |
| 1 | Toán giải tích | Đại số | Giải tích |
| 2 | Đại số và Lý thuyết số | Đại số | Giải tích |
| 3 | Hình học và Tôpô | Đại số | Giải tích |
| 4 | LL&PPDH BM Toán | Đại số | Giải tích |
| 5 | LTXS và Thống kê Toán học | Đại số | Giải tích |
| 6 | Quang học | Toán cho Vật lý | Vật lý lý thuyết |
| 7 | Hoá hữu cơ | Toán cho Hoá | Cơ sở LTHH và cấu tạo chất |
| 8 | LL&PPDH BM Hoá học | Toán cho Hoá | Cơ sở LTHH và cấu tạo chất |
| 9 | Hóa vô cơ | Toán cho Hoá | Cơ sở LTHH và cấu tạo chất |
| 10 | Hóa phân tích | Toán cho Hoá | Cơ sở LTHH và cấu tạo chất |
| 11 | Thực vật học | Toán cho Sinh và Nông nghiệp | Sinh học cơ sở |
| 12 | Động vật học | Toán cho Sinh và Nông nghiệp | Sinh học cơ sở |
| 13 | Sinh học thực nghiệm | Toán cho Sinh và Nông nghiệp | Sinh học cơ sở |
| 14 | LL&PPDH BM Sinh học | Toán cho Sinh và Nông nghiệp | Sinh học cơ sở |
| 15 | Ngôn ngữ học | Triết học | Lý luận văn học |
| 16 | Lý luận văn học | Triết học | Lý luận văn học |
| 17 | Văn học Việt Nam | Triết học | Lý luận văn học |
| 18 | LL&PPDH BM Ngữ Văn | Triết học | Lý luận văn học |
| 19 | Lịch sử Việt Nam | Triết học | Lịch sử Việt Nam |
| 20 | Lịch sử Thế giới | Triết học | Lịch sử Việt Nam |
| 21 | LL&PPDH BM Lịch sử | Triết học | Lịch sử Việt Nam |
| 22 | Quản lý giáo dục | Lôgic học | Giáo dục học |
| 23 | Giáo dục học (bậc Tiểu học) | Triết học | Giáo dục học |
| 24 | Giáo dục học (bậc Mầm non) | Triết học | Giáo dục học |
| 25 | LL&PPDH BM GDCT | Triết học Chuyên | CNXH khoa học |
| 26 | Chính trị học | Triết học Chuyên | CNXH khoa học |
| 27 | Nuôi trồng thuỷ sản | Toán cho Sinh và Nông nghiệp | Cơ sở ngành Nông nghiệp |
| 28 | Khoa học cây trồng | Toán cho Sinh và Nông nghiệp | Cơ sở ngành Nông nghiệp |
| 29 | Kinh tế chính trị | Lịch sử các học thuyết kinh tế | Kinh tế chính trị Mác - Lênin |
| 30 | LL&PPDH BM Tiếng Anh | Triết học | Tiếng Anh tổng hợp |
| 31 | Công nghệ thông tin | Toán rời rạc | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật |
| 32 | Địa lý học | Toán cho Địa lý | Địa lý đại cương |
| 33 | Giáo dục Thể chất | Sinh lý TDTT | LL&PP Thể dục thể thao |
| 34 | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật | Triết học | Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật |

Trường Đại học Vinh trân trọng thông báo!

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Bộ GD&ĐT (để b/c);  - Sở GD&ĐT tỉnh Nghệ An (để b/c);  - Các điểm liên kết đào tạo (để p/h);  - Các đơn vị: ĐTLT, KH-TC;  - BBT website, eOffice;  - Lưu: HCTH, SĐH. | **HIỆU TRƯỞNG**  (ĐÃ KÝ)  **GS.TS Đinh Xuân Khoa** |